TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 01 - 2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Công Chiểu
2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thanh V, sinh năm 1974
Địa chỉ: Tổ dân phố số M, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.
Bị đơn: Chị Tạ Thị Lệ T, sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ dân phố số M, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2020, bản tự khai ngày 19/10/2020 và trong quá trình xét xử thì anh Trần Thanh V và chị Tạ Thị Lệ T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 11/3/2005 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã tự sống ly thân từ cuối năm 2017, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến

nhau. Tháng 8/2020 anh V đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn chị Tuyết tại Tòa án, sau đó được Tòa án khuyên giải nên anh rút đơn về, tuy nhiên từ khi rút đơn về anh chị vẫn không về chung sống cùng nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tạ Thị Lệ T.

Về con chung: Anh Trần Thanh V xác nhận anh và chị Tạ Thị Lệ T có một người con chung cháu Trần Thu P, sinh ngày 18/3/2006, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện đang ở cùng với anh Trần Thanh V. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị Tạ Thị Lệ T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Trần Thanh V xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh có tạo dựng được một số tài sản chung, khi ly hôn anh thỏa thuận tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Trần Thanh V xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản về việc ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 23/11/2020 cháu Trần Thu P có nguyện vọng được bố đẻ là anh Trần Thanh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với chị Tạ Thị Lệ T, trong quá trình giải quyết vụ án vụ án, chị vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo việc giải quyết vụ án trên báo, đài trung ương, cổng thông tin điện tử Tòa án nhưng chị Tạ Thị Lệ T vẫn không có văn bản trả lời ý kiến và không có mặt theo giấy triệu tập.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng, chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Toà án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì chị Tạ Thị Lệ T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Toà án đã tiến hành lập biên bản về việc chị T vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai nhận định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Thanh V.

Xử cho anh Trần Thanh V ly hôn chị Tạ Thị Lệ T;

Xử giao cháu Trần Thu P, sinh ngày 18/3/2006 cho anh Trần Thanh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Tạ Thị Lệ T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật Tố tụng: Anh Trần Thanh V có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với chị Tạ Thị Lệ T (địa chỉ: Tổ dân phố số M, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Bị đơn chị Tạ Thị Lệ T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị là phù hợp với quy định tại diểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh V và chị Tạ Thị Lệ T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11/3/2005 tại ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của anh Trần Thanh V đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thực, tại phiên toà anh Trần Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Tạ Thị Lệ T. Đối với chị Tạ Thị Lệ T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết các các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo việc giải quyết vụ án trên báo, đài trung ương, cổng thông tin điện tử Tòa án nhưng chị Tạ Thị Lệ T vẫn không có mặt và cũng không có văn bản trả lời. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh Trần Thanh V chị Tạ Thị Lệ T đã thực sự trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ cuối năm 2017 đến nay, nên việc anh Trần Thanh V xin ly hôn chị Tạ Thị Lệ T là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Trần Thanh V ly hôn chị Tạ Thị Lệ T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một người con chung cháu Trần Thu P, sinh ngày 18/3/2006, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện đang ở cùng với anh V. Tại phiên tòa anh Trần Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thu Phương và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của anh V, Hội đồng xét xử xét thấy

cháu Trần Thu P hiện đang ở cùng anh V. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Thanh V đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh công việc chính của anh ở địa phương là sửa chữa đồ điện dân dụng mức thu nhập bình quân từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng. Chị Tạ Thị Lệ T không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Trần Thu P, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu và nguyện vọng của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Trần Thu P cho anh Trần Thanh V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh Trần Thanh V không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên toà anh Trần Thanh V xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh có tạo dựng được một số tài sản chung, khi ly hôn anh thỏa thuận tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Anh Trần Thanh V xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Trần Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho anh Trần Thanh V ly hôn chị Tạ Thị Lệ T

2.Về con chung: Xử giao cháu Trần Thu P, sinh ngày 18/3/2006 cho anh Trần Thanh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Tạ Thị Lệ T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Tạ Thị Lệ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Thanh V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002602 ngày 19/10/2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND TT P;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(*đã ký*)

Phạm Thị Thu Hằng